

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 27-11-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phùng Đình Chúc và ông Nguyễn Quang Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Kim C, sinh ngày 06/02/1998; nơi cư trú: P, 73525 S, Cộng hòa liên bang Đức (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Lê Thị Thúy N, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2024) (vắng mặt);

**- Bị đơn:** Anh Trần Duy T, sinh ngày 08/12/1996; nơi cư trú: P, 73525 S, Cộng hòa liên bang Đ1 (vắng mặt);

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Trần Quang T1, sinh năm 1998; địa chỉ: Số B hẻm C phố D, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2024) (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/8/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Kim C trình bày:* Chị và anh Trần Duy T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 14 tháng 11 năm 2018. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc với nhau. Sau đó do nhu cầu công việc, chị phải chuyển đến sinh sống, làm việc tại

Cộng hòa liên bang Đ. Sau đó một thời gian để ổn định cuộc sống vợ chồng và có điều kiện chăm sóc con cái nên anh T và con trai chị là cháu Trần Duy A đã chuyển đến sinh sống cùng chị tại C liên bang Đức. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống tại Đ do phải làm quen với môi trường sống mới khiến cho vợ chồng chị gặp rất nhiều khó khăn trong việc ổn định cuộc sống cùng với đó là việc chị và anh T ngày càng bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn với nhau. Chị đã nhiều lần nói chuyện và cố gắng hòa giải với anh T nhưng đều không thành. Hiện tại cả chị và anh T không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Duy T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Duy A, sinh năm 2018. Hiện nay cháu Duy A đang ở với bà nội và anh T. Khi ly hôn chị mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duy A và yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Duy T trình bày:* Anh và chị Trần Kim C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 14 tháng 11 năm 2018. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc với nhau. Sau đó do nhu cầu công việc, vợ anh chuyển đến sinh sống, làm việc tại Cộng hòa liên bang Đ. Sau đó để ổn định cuộc sống và để vợ anh có điều kiện chăm sóc con thì anh và con trai Trần Duy A đã chuyển đến sinh sống cùng vợ anh tại Cộng hòa liên bang Đ1. Kể từ thời điểm chuyển tới sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ1 do những khó khăn về việc thích nghi với môi trường sống và những bất đồng trong tính cách, quan điểm sống nên cả anh và chị C thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn tranh cãi với nhau. Cả hai anh chị đã cố gắng ngồi lại nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành. Vì nghĩ cho con nên anh vẫn cố gắng chung sống cùng chị C nhưng hai cả hai đều thể hiện thái độ lạnh nhạt và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị C có đơn khởi kiện ly hôn, anh nhận thấy cả hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Kim C.

Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là cháu Trần Duy A, sinh ngày 12/10/2018. Ly hôn anh đồng ý để chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duy A và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ

đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C với anh T, giao cháu Trần Duy A cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2024 đến khi cháu Duy A đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Trần Kim C đối với bị đơn là anh Trần Duy T. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 07/8/2024, chị Trần Kim C có đơn xin ly hôn với anh Trần Duy T. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Kim Chi ủy Q cho chị Lê Thị Thúy N tham gia tố tụng để nhận những văn bản tố tụng của Tòa án, chị C, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh T ủy quyền cho anh Trần Quang T1 tham gia tố tụng để nhận những văn bản tố tụng của Tòa án, anh T, anh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện việc kết hôn giữa chị C và anh T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, theo chị C, anh T thì ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, sau đó cả hai chuyển đến sống tại Cộng hòa liên bang Đ thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong tính cách, quan điểm sống và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Việc hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Nay chị C xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[5]. Về con chung: Vợ chồng chị C, anh T có 01 con chung là cháu Trần Duy A, sinh ngày 12/10/2018, hiện nay cháu Duy A đang ở cùng anh T và bố mẹ anh T, ly hôn chị C đề nghị được nuôi cháu Duy A và anh T cũng đồng ý để cháu Duy A ở cùng mẹ. Hiện nay, chị C, anh T có công việc ổn định và có thu nhập, cháu Duy A vẫn còn nhỏ nên để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý và sự chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cũng như quyền lợi của cháu Duy A thì cần thiết giao cháu Duy A cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị C đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng và anh T đồng ý, xét thấy anh T có công việc, thu nhập ổn định và tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nên cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đồng/tháng kể từ tháng 11/2024.

[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Trần Kim C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Kim C được ly hôn với anh Trần Duy T.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Duy A, sinh ngày 12/10/2018, anh T phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2024 cho đến khi cháu Trần Duy A đủ 18 tuổi. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Chị Trần Kim C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007473 ngày 01/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Trần Duy T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND phường Đồng Xuân, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Nghĩa**